

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày 30-8-2019  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Đăng  
Ông Đoàn Quốc Thống

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Thanh N, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Tý H, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2019, biên bản hòa giải ngày 12/8/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thanh N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tý H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và trong việc nuôi dạy con cái. Anh H không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu rồi cự cãi, đánh chị, xúc phạm thân thể và uy tín danh dự của chị. Nhiều lần chị cho anh H cơ hội để sửa đổi tính tình nhưng anh H không thay đổi. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tý H.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thúy Duy (giới tính: nữ) sinh ngày 09/6/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu và Nguyễn Nhật Duy (giới tính: nam) sinh ngày 05/4/2004 hiện đang sống chung với anh H. Sau khi ly

hôn chi đồng ý giao cháu Nguyễn Nhật Duy cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải ngày 12/8/2019 và tại phiên tòa, anh Nguyễn Tý H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị Võ Thanh N về việc anh và chị N tự nguyện chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị N. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị N có 02 con chung như chị N đã trình bày. Đối với cháu Nguyễn Thúy Duy đã trưởng thành nên anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật Duy, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thanh N và anh Nguyễn Tý H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1999. Tuy chị N và anh H xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Chị N và anh H đều thống nhất không yêu cầu giải quyết đối với cháu Nguyễn Thúy Duy do đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Nhật Duy, chị N và anh H đều thống nhất giao cháu Nhật Duy cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại văn bản ngày 13/8/2019, cháu Nguyễn Nhật Duy có nguyện vọng tiếp tục sống chung với anh H. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng con chung là phù hợp với sự thống nhất của chị N và anh H nên cần giao cháu Nguyễn Nhật Duy cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N và anh H không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm

a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thanh N và anh Nguyễn Tý H là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Nhật Duy (giới tính: nam) sinh ngày 05/4/2004 cho anh Nguyễn Tý H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Võ Thanh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thanh N và anh Nguyễn Tý H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Võ Thanh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Võ Thanh N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004506 ngày 22/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Ý**